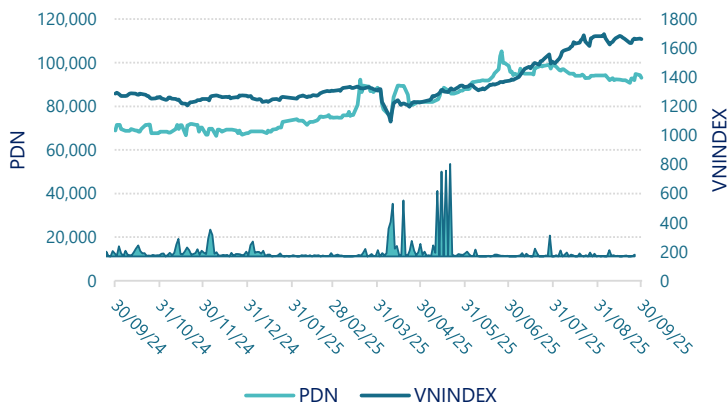




CTCP Cảng Đồng Nai (HSX: PDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	93,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	105,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	66,407
SL cổ phiếu LH	55,565,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,030
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,168
P/E	12.3
EPS	7,550

DT thuần

Q3/25

399

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 1.8%

YoY: ▲ 66.0 | 19.8%

LN sau thuế

Q3/25

108

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 17.0 | -13.6%

YoY: ▲ 17.9 | 19.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

33.9%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

9T 2025

1,145

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 177 | 18.3%

LN sau thuế

9T 2025

333

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 73.0 | 27.7%

ROE

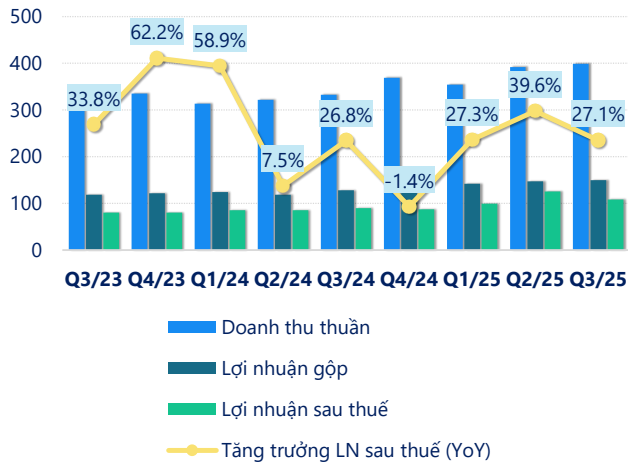
Q3/25

33.1%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

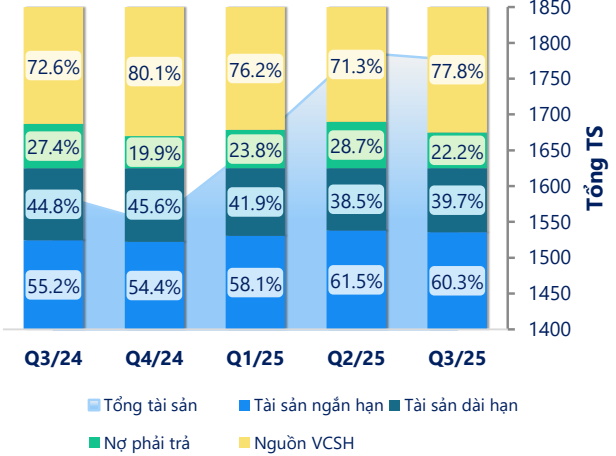
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

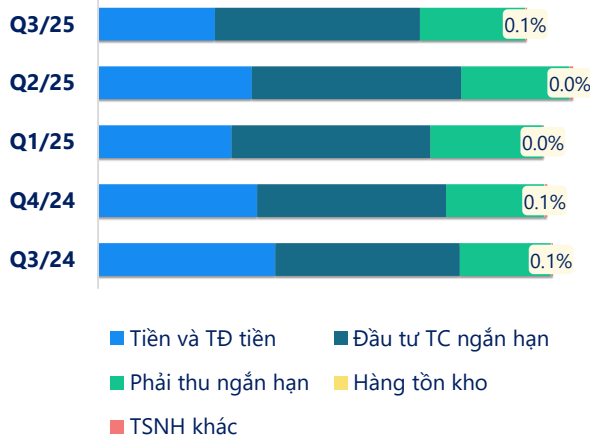
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



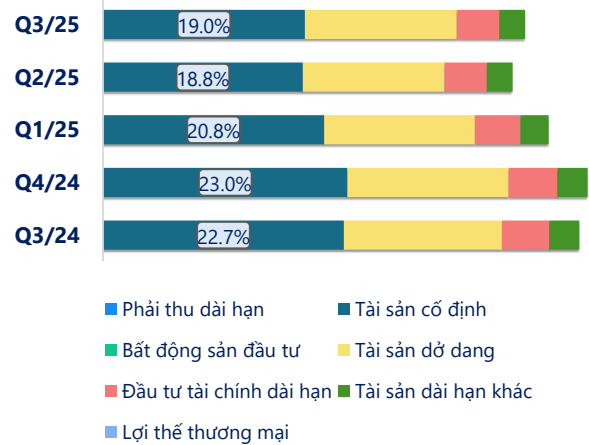
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

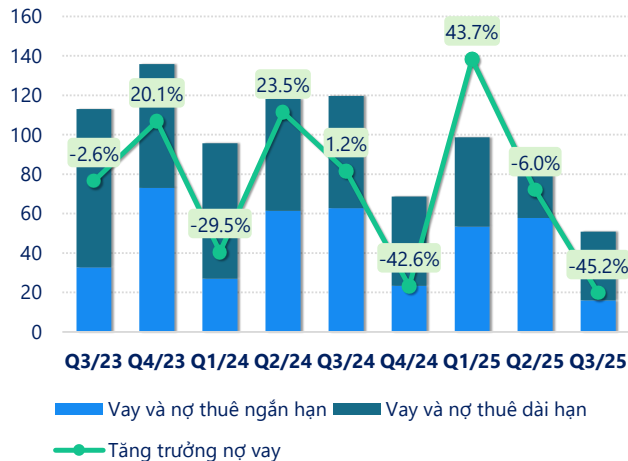
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

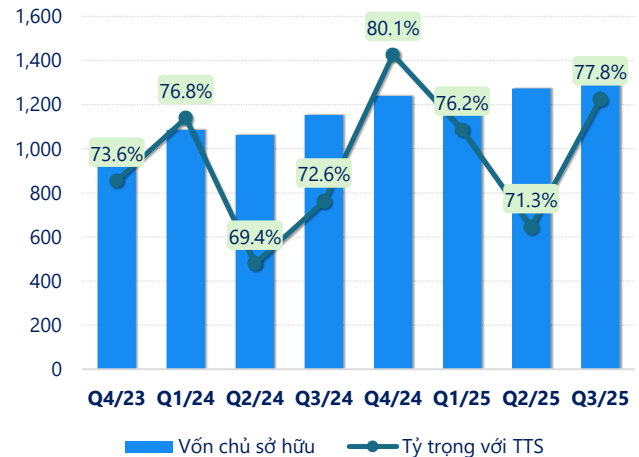
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

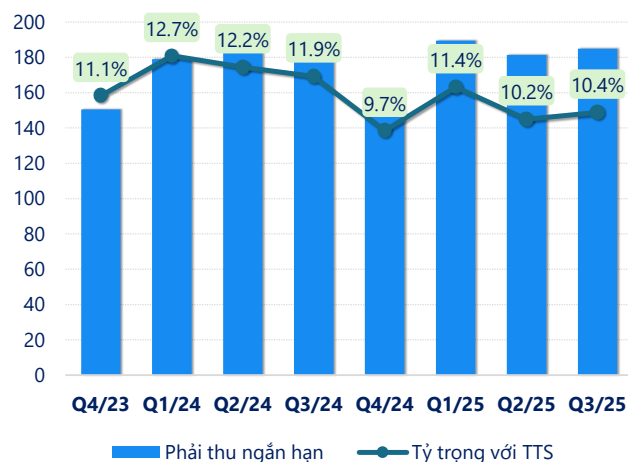
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



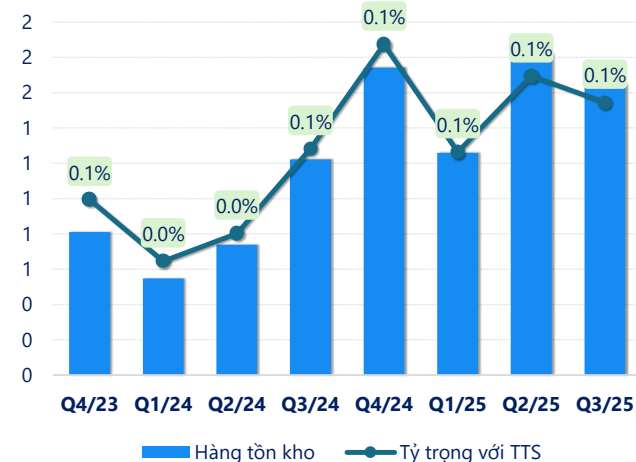
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


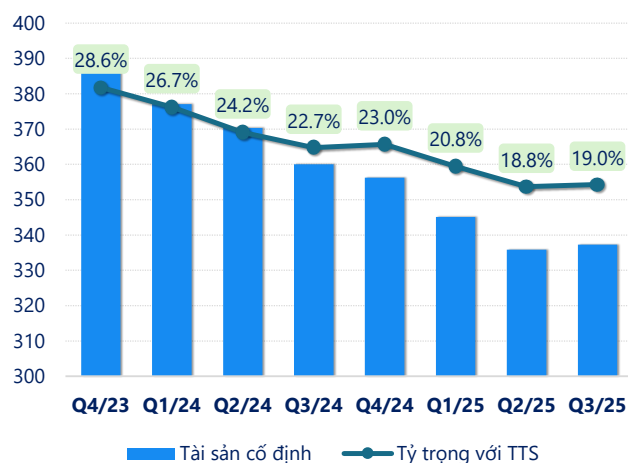
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


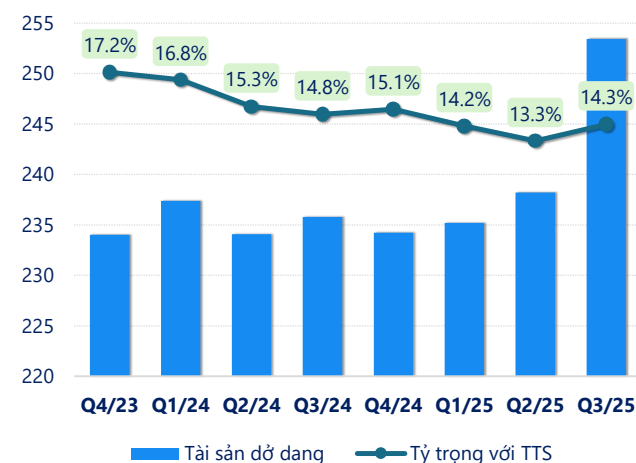
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

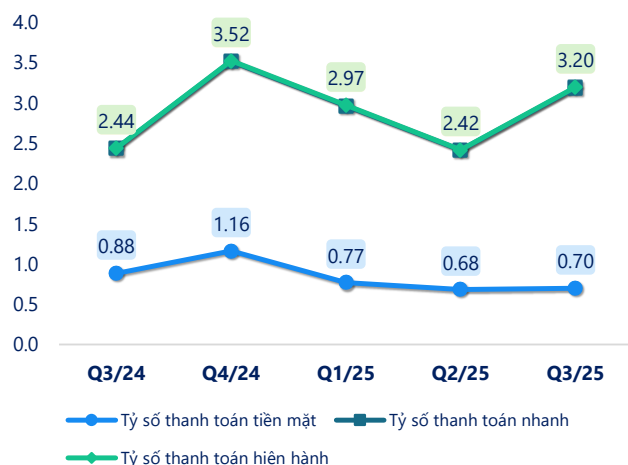
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

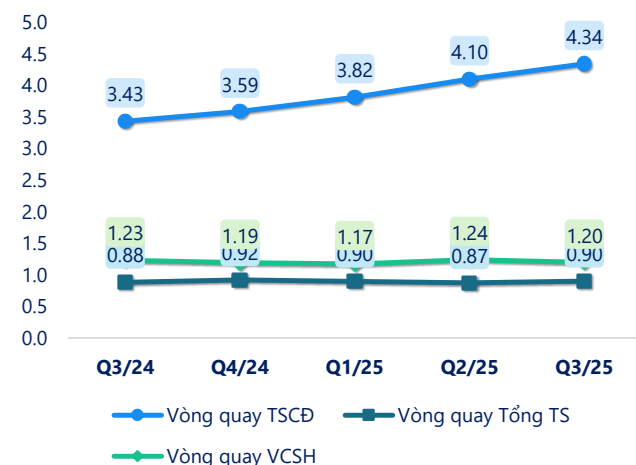
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,589	1,549	1,659	1,787	1,776
Tài sản ngắn hạn	877	843	964	1,098	1,071
Tiền và tương đương tiền	317	278	250	310	234
Đầu tư tài chính ngắn hạn	368	413	522	601	647
Phải thu ngắn hạn	188	150	189	181	185
Hàng tồn kho	1.22	1.74	1.26	1.82	1.65
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	0.43	1.46	4.45	3.85
Tài sản dài hạn	711	706	695	688	705
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	360	356	345	336	337
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	236	234	235	238	253
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	71.0	71.0	71.0
Tài sản dài hạn khác	44.6	44.3	43.9	43.5	43.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	436	309	394	514	395
Nợ ngắn hạn	360	239	325	454	335
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.9	23.5	53.5	57.8	15.9
Phải trả người bán ngắn hạn	120	91.1	109	133	143
Nợ dài hạn	76.4	69.8	69.8	59.5	59.5
Vay và nợ thuê dài hạn	56.8	45.2	45.2	34.9	34.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,153	1,240	1,265	1,273	1,381
Vốn chủ sở hữu	1,153	1,240	1,265	1,273	1,381
Vốn điều lệ	370	370	370	370	556
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)